TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2018/DS-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;
- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 27 và 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị L,** sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D,** sinh năm 1957; cư trú tại: 125/3, Lý Thường Kiệt, Tổ 10, Khu phố 8, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 21-3-2017). (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1966; (Vắng mặt)

2. Ông **Võ Văn Hồng S,** sinh năm 1959; (Chết ngày 28-8-2018)

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị T: Anh **Ngô Đình N,** sinh năm 1991; Địa chỉ thường trú: xã CH, huyện PC, tỉnh Bình Định; Địa chỉ

liên hệ: Số AB, NHT, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 30-11-2017). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị T: Luật sư **Đỗ Đặng Hồng T,** thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn CTM - Chi nhánh TP – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Võ Văn Hồng S:

- Bà **Nguyễn Thị L1,** sinh năm 1935; (Xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1966; (Vắng mặt)

- Anh **Võ Văn B,** sinh năm 1985; (Vắng mặt)

- Anh **Võ Quốc T,** sinh năm 1990; (Vắng mặt)

- Anh **Võ Việt T1,** sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án,nguyên đơn, bà Lê Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Nguyễn Văn D trình bày:* Ngày 17-12-2013, bà Lê Thị L có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Hồng S mượn số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ, bà L đã đòi nhiều lần nhưng bà T, ông S không trả. Nay bà L yêu cầu bà T, ông S phải trả số tiền trên cho bà làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

**. Bị đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà không có quen biết gì với bà Lê Thị L (L), bà cũng không có viết, ký tên vào biên nhận nợ ngày 17-12-2013 nên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà L.

**. Bị đơn, ông Võ Văn Hồng S:* Ông S được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập tham gia hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông S không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không có lý do tại phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ. Sau khi ông S chết vào ngày 28-8-2018, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời vắng mặt không có lý do tại phiên họp hòa giải và kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bà Nguyễn Thị T và những người kế thừa quyền,

nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Hồng S phải liên đới trả cho bà L số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thời hạn trả là sau 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là anh Ngô Đình N và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì đối tượng tài sản ở đây là tiền nên không có giao dịch mượn tiền mà chỉ là vay có lãi hoặc vay không lãi và yêu cầu xác định thời hiệu khởi kiện của bà L đã hết để đình chỉ vụ án. Hơn nữa, ông S trước khi qua đời khẳng định không có việc mượn tiền của bà L, bà T cũng không thừa nhận có giao dịch mượn tiền với bà L, trong tờ giấy nhận tiền không thể hiện có việc giao nhận tiền. Bà L cũng không có quyền khởi kiện vì việc xác nhận của Công an xã PA, huyện C xác nhận bà Lê Thị L và Lũy là 01 người chứ không phải bà Lê Thị L và Trần Thị Lũy là 01 người. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì chữ ký trong biên nhận nợ được cơ quan giám định xác định là của ông Võ Văn Hồng S và bà Nguyễn Thị T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn Hồng S và bà Nguyễn Thị T phải trả tiền theo giấy mượn tiền, và tiền là tài sản nên căn cứ vào Điều163, Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Đòi lại tài sản" và không xác định thời hiệu theo đề nghị của anh Ngô Đình N và luật sư Đỗ Đặng Hồng T là người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại Ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị T, anh Võ Văn B, Võ Quốc T, Võ Việt T1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Hồng S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lê Thị L có tên thường gọi là L (Trần Thị L), được Công an xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xác nhận nên có căn cứ xác định bà L và Lũy là một người. Theo giấy mượn tiền lập ngày 17-12-2013, thể hiện ông Võ Văn Hồng S và bà Nguyễn Thị T có mượn của bà L số tiền 30.000.000 đồng, phía bà T không thừa nhận, ông S và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S không có ý kiến gì. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số 258/C09 – P5 ngày 25-9-2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận chữ ký và chữ viết của ông S, bà T so với chữ ký mẫu mà phía bà T, ông S nộp là do cùng một người ký, viết ra. Do đó, có căn cứ xác định ông S, bà T là người ký tên, viết họ tên vào giấy mượn tiền lập ngày 17-12-2013. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông S cũng như những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời vắng mặt tại các phiên họp là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của phía anh N và vị luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T.

Ngày 28-8-2018, ông Võ Văn Hồng S chết nên Tòa án tiến hành xác minh và đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S vào tham gia tố tụng gồm có: Bà Nguyễn Thị L1 (mẹ ông S), Nguyễn Thị T (vợ ông S), anh Võ Văn B, Võ Quốc T, Võ Việt T1 (các con ông S). Do đó, bà L1, anh B, anh Quốc T, Việt T1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà L trong phạm vi di sản mà ông S để lại, trường hợp ông S không để lại di sản thì không phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự. Bà T ngoài việc thực hiện nghĩa vụ của cá nhân bà với tư cách là bị đơn thì còn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S đối với phần của ông S trong phạm vi di sản ông S để lại.

Ông Nguyễn Văn D là đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L tự nguyện cho phía bị đơn được trả số tiền 30.000.000 đồng sau thời hạn 02 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Xét sự tự nguyện của nguyên đơn là có lợi cho phía bị đơn, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Lê Thị L không phải chịu án phí, bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn Hồng S (ông S có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị T, anh Võ Văn B, Võ Quốc T, Võ Việt T1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về chi phí tố tụng: Đối với lần giám định chữ ký tại Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Kết luận giám định số 3242/C54B ngày 03-10-2017 do phía ông Nguyễn Văn D yêu cầu, ông D có ý kiến tự nguyện chịu chi phí giám định, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với lần giám định chữ ký tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an theo Kết luận giám định số 258/C09 – P5 ngày 25-9-2018, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bà T phải chịu là 6.000.000 đồng, anh Ngô Đình N là đại diện theo ủy quyền của bà T đã nộp xong và không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào quy định tại Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì giao dịch của các bên đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực mà phát sinh tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết về phần nội dung; thời hiệu được áp dụng theo Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, 256, 290, 298, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 149, Điều 155, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Hồng S (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L1, anh Võ Văn B, Võ Quốc T, Võ Việt T1) phải liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị L (có ông Nguyễn Văn D làm đại diện theo ủy quyền) cho bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Hồng S (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L1, anh Võ Văn B, Võ Quốc T, Võ Việt T1) phải trả số tiền sau thời hạn 02 (Hai) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện việc trả nợ thì còn phải trả lãi đối với

số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian, số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14533 ngày 22-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Hồng S (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L1, anh Võ Văn B, Võ Quốc T, Võ Việt T1) phải chịu 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn Hồng S là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên hồi 14 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 11 năm 2018, có mặt ông D, các đương sự còn lại và luật sư vắng mặt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực